

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Diệu Hiền

2. Bà Phan Phượng Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS, ngày 01/08/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Chí D, sinh năm 1962 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Thành, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lái Kim Ch, sinh năm 1980 (có mặt).

Ông Võ Đông Tr, sinh năm 1980 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Đào Chí D và bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ngày 15/12/2017 vợ chồng bà Lái Kim Ch, ông Võ Đông Tr(sau đây gọi tắt là bà Ch, ông Tr) có vay của vợ chồng ông Đào Chí D, bà Nguyễn Thị P (sau đây gọi tắt

là ông D, bà P) số tiền 490.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, vợ chồng ông Tr, bà Ch cam kết đến kỳ lãnh lương sẽ trả lãi cho vợ chồng ông D, bà P. Tuy nhiên từ khi vay đến nay vợ chồng ông Tr, bà Ch không trả gốc và lãi cho vợ chồng ông D, bà P. Ngày 22/12/2017 vợ chồng bà Ch, ông Tr có hỏi vay của vợ chồng ông D, bà P số tiền 480.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, vợ chồng ông Tr, bà Ch cam kết đến kỳ lãnh lương sẽ trả lãi cho vợ chồng ông D, bà P. Tuy nhiên từ khi vay đến nay vợ chồng ông Tr, bà Ch không trả gốc và lãi cho ông D, bà P. Tổng cộng vợ chồng bà Ch, ông Tr vay của ông D, bà P là 970.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông D, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Ch, ông Tr trả số tiền vay gốc là 970.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Lái Kim Ch trình bày: Bà Kim Chung thừa nhận có ký biên nhận vay của ông D, bà P 02 lần với tổng số tiền là 970.000.000 đồng, nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả gốc và lãi cho vợ chồng ông D, bà P. Bị đơn bà Ch đồng ý trả tiền vay gốc cho vợ chồng ông D, bà P nhưng xin giảm lãi.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng vay ngày 15/12/2017; Hợp đồng vay ngày 22/12/2017.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Đồng bị đơn ông Võ Đông Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đào Chí D, bà Nguyễn Thị P với bị đơn bà Lái Kim Ch, ông Võ Đông Tr là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cụ thể nguyên đơn ông D, bà P yêu cầu bị đơn ông Tr, bà Ch trả tiền vay gốc là 970.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa bà Kim Chung thừa nhận còn thiếu vợ chồng ông D, bà P tổng số tiền là 970.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo bà Ch thì đây không phải là số tiền vay 01 lần, mà trước đây vợ chồng bà Ch, ông Tr có hỏi vay của ông D, bà P nhiều lần với tổng số tiền là 490.000.000 đồng, đến ngày 15/12/2017 ông D mới làm lại

biên nhận mới với số tiền 490.000.000 đồng và bắt bà Ch ký tên. Đối với số tiền vay 480.000.000 đồng (theo hợp đồng vay ngày 22/12/2017) cũng không phải vay 01 lần mà thực tế là tiền hụi bà Ch thiếu vợ chồng ông D, bà P. Do không có tiền trả nên ông D mới làm lại thành hợp đồng vay với số tiền 480.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà Ch, ông Trký tên cam kết đến kỳ lãnh lương phải trả lãi cho ông D, bà P. Vợ chồng bà Ch cũng bị nhiều người giựt nợ nên gia đình đang hết sức khó khăn, nếu ông D đồng ý thì khi được nhận mức lương mới hàng tháng bà Ch sẽ trích ra để trả dần cho ông D, nhưng xin giảm lãi.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn ông D trình bày: Để có số tiền trên vợ chồng ông D, bà P phải đi vay ngân hàng và tích góp tiết kiệm nhiều năm mới có được, vì vậy yêu cầu vợ chồng bà Ch, ông Trhàng tháng cố gắng gửi trả tiền lãi cho ông D để đóng lãi cho Ngân hàng.

Qua ý kiến của các bên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi làm hợp đồng vay tổng số tiền 970.000.000 đồng, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch làm ăn với nhau, vay nợ nhiều lần. Do vợ chồng bà Ch, ông Trkhông khả năng trả nợ nên ông D mới làm lại thành 02 hợp đồng vay (ngày 15/12/2017 và ngày 22/12/2017) với tổng số tiền là 970.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Ch cũng thừa nhận số nợ nên và đồng ý trả nợ gốc, xin giảm lãi nhưng ông D không đồng ý giảm lãi.

Bị đơn bà Lái Kim Ch thừa nhận có ký hợp đồng vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ch, ông Trphải trả tiền vay gốc là 970.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Xét về lãi suất: Mức lãi suất trong 02 hợp đồng vay là do các bên tự nguyện thỏa thuận, theo hợp đồng vay ngày 15/12/2017 số tiền 490.000.000 đồng thì mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng; đối với hợp đồng vay ngày 22/12/2017 số tiền vay 480.000.000 đồng thì mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“ Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực... ”.

Theo quy định trên, thì mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay là vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật, vì vậy cần phải điều chỉnh lại theo mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Đối với số tiền 490.000.000 đồng: Vay ngày 15/12/2017 đến ngày xét xử 14/9/2022 là 56 tháng 29 ngày, lãi suất sẽ là $490.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 56 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 463.366.866 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi của khoản vay này là 953.366.866 đồng.

Đối với số tiền 480.000.000 đồng: Vay ngày 22/12/2017 đến ngày xét xử 14/9/2022 là 56 tháng 22 ngày, lãi suất sẽ là $480.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 56 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 452.051.200 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi của khoản vay này là 932.051.200 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền vay gốc và lãi của 02 khoản vay (ngày 15/12/2017 và ngày 22/12/2017) là 1.885.418.066 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa, bà Lái Kim Ch trình bày đây là số nợ do một mình bà Ch đứng ra hỏi vay của ông D để làm ăn và chơi hụi, ông Tr không có hỏi vay. Trong hợp đồng vay số tiền 480.000.000 đồng ông D viết sẵn yêu cầu vợ chồng bà Ch, ông Tr ký tên, còn trong hợp đồng vay số tiền 490.000.000 đồng chỉ có một mình bà Ch ký tên.

Theo lời trình bày của bà Ch, thì đây là số nợ do bà Ch đứng ra hỏi vay của ông D để làm ăn và chơi hụi, nhằm tạo ra thu nhập đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên bà Ch và ông Tr đều phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho vợ chồng ông D, bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông Tr, bà Ch phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông D, bà P tổng số tiền là 1.885.418.066 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

[4]. Về án phí: Vợ chồng ông Tr, bà Ch phải chịu án phí là 68.562.541 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng).

Ông D, bà P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.550.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đồng theo biên lai thu số 0003207 ngày 18 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Chí D, bà Nguyễn Thị P với bị đơn bà Lái Kim Ch, ông Võ Đông Tr về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Võ Đông Tr, bà Lái Kim Ch phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Chí D, bà Nguyễn Thị P số tiền vay gốc và lãi là 1.885.418.066 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Tr, bà Ch phải chịu án phí là 68.562.541 đồng (sáu mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng).

Ông D, bà P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.550.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đồng theo biên lai thu số 0003207 ngày 18 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh